

LUẬN KINH TAM-MUỘI KIM CƯƠNG

QUYỂN HẠ

Phẩm Thứ 6: CHÂN TÁNH KHÔNG

Luận chép: Pháp của chân như đầy đủ các công đức, cùng với các hạnh đức mà làm bốn tánh, cho nên nói là chân tánh, như vậy chân tánh bật dứt các danh tướng. Vì điều này cho nên nói là Chân Tánh Không. Lại, Chân Tánh này xa lìa tướng - xa lìa tánh. Xa lìa tướng là lìa tướng luống dối. Xa lìa tánh là lìa tánh chân. Xa lìa tướng luống dối cho nên tướng luống dối là Không. Xa lìa chân tánh cho nên chân tánh cũng Không. Vì điều này nên nói là Chân Tánh Không. Nay trong phẩm này nói rõ hai nghĩa này, do đó dựa vào nghĩa đây lập thành tên gọi của phẩm.

Kinh: “Nhĩ thời Xá-lợi-phất nhi bạch Phật ngôn: Tôn giả! Tu Bồ-tát đạo vô hữu danh tướng, ba cõi vô nghi, vân hà nhiếp thọ vi chúng sanh nói, nguyện Phật từ bi vị ngã giảng nói!”. Bấy giờ Xá-lợi-phất lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Tu đạo Bồ-tát không có danh tướng, ba giới pháp không có nghi dung, làm sao nhiếp thọ nói cho chúng sanh, cúi xin Đức Phật từ bi nói cho chúng con nghe!

Luận chép: Nói riêng về Quán Hạnh có sáu phần, trong đó phần thứ tư xả bỏ luống dối hội nhập thật tế hoàn tất. Dưới đây là phần thứ năm nói về các Thánh Hạnh đưa ra Chân tánh không. Ngay trong phẩm này có hai phần lớn: Một là Vì người lợi căn giảng nói mở rộng nhiều văn. Hai là vì người độn căn thâm nhiếp sơ lược ít văn. Trước tiên trong phần giảng nói mở rộng thì có sáu phần: 1. Nói về Tam tụ giới từ chân Tánh mà thành tựu. 2. Nói về Đạo phẩm hành từ chân tánh mà lập nên. 3. Nói về Như-lai giáo thích hợp như lý giảng nói. 4. Nói về địa vị Bồ-tát từ bốn lợi sinh ra. 5. Nói về Đại Bát-nhã bật dứt các nhân duyên. 6. Nói về Đại thiện định vượt lên trên các danh số.

Đầu tiên trong ba giới pháp văn có năm phần: 1. Thưa hỏi; 2. Trả lời; 3. Thỉnh cầu; 4. Giảng nói; 5. Lĩnh ngộ hiểu rõ. Đây tức là phần một

thưa hỏi: Nói “Tu Bồ-tát đạo không có danh tướng”: Là nêu lên chung các hạnh. Ba cõi không có dung nghi: Là nhắc lại riêng giới hạnh, như phẩm trước nói “Nhập ba cõi không trụ ở tướng đó” vậy đứng trước ba giới pháp không có tướng trạng - không có nghi dung, làm sao tự nhiếp thọ và nói cho người khác? Lúc này Xá-lợi-phất đã bắt đầu nhập vào Đại thừa, lần đầu phát khởi tu hạnh lấy giới làm căn bản, do đó thưa hỏi hạnh đầu tiên của trong ba học. Lại, Thân Tử này từ thân mà sanh ra, nay trong phẩm này nói các hạnh - pháp từ pháp thân sanh ra, cho nên nương nhờ Thân Tử mà phát ra thưa hỏi.

Kinh: “Phật ngôn Thiện nam tử! Nhữ kim đế thính vi nhữ giảng nói Thiện nam tử! Thiện bất thiện pháp tùng tâm hóa sanh, nhất thiết cảnh giới ý ngôn phân biệt, chế chi nhất xứ chúng duyên đoạn diệt, hà dĩ cố? Thiện nam tử! Nhất bổn bất khởi, tam dụng vô thủ, trụ ư như lý, lục đạo môn đồ, tứ duyên như thuận ba cõi cụ túc”. Đức Phật nói: Này người thiện nam! Nay ông lắng nghe vì ông giảng nói. Này người thiện nam! Pháp thiện và bất thiện từ tâm hóa hiện sanh ra, tất cả cảnh giới ý nghĩ ngôn từ phân biệt, chế ngự điều đó một nơi thì các duyên đoạn diệt, vì sao? Này người thiện nam! Một nguồn gốc không khởi lên, ba công dụng không thi hành, an trụ vào như lý, cửa sáu đường chặn kín, bốn duyên thuận theo Như thì ba giới pháp đầy đủ.

Luận chép: Đây là phần thứ hai trả lời sơ lược trong đó có hai: Trước là trả lời chung cả câu hỏi. Pháp thiện, bất thiện từ tâm hóa sanh”: Vì nhân hành ba nghiệp đều do tâm dấy lên. “Tất cả cảnh giới ý, ngôn phân biệt”: Vì cảnh của sáu đường chẳng có gì không phải là ý thay đổi. Do tâm loạn động không thể nào chế ngự, thay đổi dấy lên nhân quả trôi lăn trong biển khổ. Vì vậy muốn vượt qua biển khổ, tu Bồ-tát đạo chế ngự tâm nhất như dứt diệt các duyên, cho nên Bồ-tát tu không có danh tướng”. Từ “Vì sao? v.v...” trở xuống kể là trả lời riêng cho câu hỏi. Tuy tiếp tục chung mà biệt hạnh chưa nghe, cho nên lại hỏi là tại vì sao? Một bổn không khởi”: Căn bản của ba giới pháp là một Bổn giác xưa nay vắng lặng cho nên nói không khởi. Ba dụng không thi hành: Đã nương vào bổn giác thành tựu cái dụng của ba giới pháp, thì dụng xa lìa oai nghi thi hành làm tướng, nên không có thi hành tạo tác. Vì thuận theo vào một nguồn gốc, cho nên nói là trụ ở như lý. Đã an trụ như lý tiêu trừ nhân hữu cho nên nói cửa sáu đường khép kín. Đối với lý nhất như đầy đủ năng lực bốn duyên, có thể thuận theo Nhất Như tức là có đủ ba giới pháp, cho nên nói bốn duyên Như, thuận ba giới pháp đầy đủ.

Kinh: “Xá-lợi-phất ngôn: Vân hà tứ duyên như thuận ba cõi cụ túc?”. Xá-lợi-phất chép: Thế nào là bốn duyên thuận theo Như thì ba giới pháp có đủ?

Luận chép: Đây là phần thứ ba tiếp tục thỉnh cầu.

Kinh: “Phật ngôn: Tứ duyên giả nhất vị tác trạch diệt lực thủ duyên nhiếp luật nghi giới, nhị giới bốn lợi tịch căn lực sở tập khởi duyên nhiếp thiện pháp, tam vị bốn tuệ đại bi lực duyên nhiếp chúng sanh giới, tứ vị nhất giác thông trí lực duyên thuận ư như trụ, thi vị tứ duyên. Thiện nam tử! Như thị tứ đại duyên lực bất trụ sự tướng, bất vô công dụng, ly ư nhất xứ tức bất khả cầu. Thiện nam tử! Như thị nhất sự thông nhiếp lực hạnh thị Phật Bồ-đề tát Bát-nhã hải”. Đức Phật nói: Bốn duyên là: Một là Tác trạch diệt lực thủ duyên nhiếp luật nghi giới, hai là Bốn lợi tịch căn lực sở tập khởi duyên nhiếp thiện pháp giới, ba là Bốn tuệ đại bi lực duyên nhiếp chúng sanh giới, bốn là Nhất giác thông trí lực duyên thuận ở Như trụ, đây gọi là bốn duyên. Này người thiện nam! Như vậy bốn duyên lực rộng lớn không trụ vào sự tướng, chẳng thể không có công dụng, xa lìa đối với một xứ thì không thể mong cầu. Này người thiện nam! Như vậy một sự thâm nhiếp tất cả sáu hạnh là biển Tát-bà-nhã Bồ-đề Phật.

Luận chép: Đây là phần thứ tư giảng nói rộng ra. Trong đó có hai: 1. Chính thức trả lời nói về nhân duyên của giới pháp; 2. Thừa dịp hiển bày thâm nhiếp tất cả các hạnh. Trong phần đầu nói bốn duyên: Nghĩa là trong một tâm Bốn giác lợi đầy đủ bốn lực dụng làm duyên cho ba giới pháp: 1. Diệt y chỉ duyên; 2. Sanh y chỉ duyên; 3. Nhiếp y chỉ duyên; 4. Ly y chỉ duyên. Diệt y chỉ: Nghĩa là trong bốn giác tánh vắng lặng công đức trái với tự tánh các phiền não, dùng duyên này thành tựu Nhiếp luật nghi giới. Sanh y chỉ: Nghĩa là trong Bốn giác tánh thiện công đức cùng với tự tánh các gốc lành thuận nhau dùng duyên này thành tựu Nhiếp thiện pháp giới. Nhiếp y chỉ: Nghĩa là trong Bốn giác tánh thành tựu tự tánh Đại bi không bỏ tất cả chúng sanh, dùng duyên này thành tựu Nhiếp chúng sanh giới. Ly y chỉ: Nghĩa là trong Bốn Giác tánh thành tựu tự tánh Bát-nhã lìa bỏ tất cả sự tướng, dùng nhân duyên này làm cho ba nhóm giới lìa bỏ sự tướng thuận theo Như mà an trụ. Ba thứ trước là duyên riêng, một loại sau là Duyên chung. Lúc Bồ-tát phát tâm thọ trì, ba nhóm giới, thuận theo lợi ích bốn giác mà thọ trì, vì bốn duyên này vốn có đầy đủ ba giới pháp. Đại ý như vậy. Kế làm hiểu rõ văn đó: Một gọi là Tác trạch diệt lực thủ duyên: Bốn giác vốn lìa bỏ sự ràng buộc của phiền não, nêu lên thể mà làm trạch diệt giải thoát, có

năng lực thường giữ lấy Biệt giải thoát giới, Như tựa như đá nam châm dẫn lối giữ lấy đối với kim châm, tuy không tác ý mà có lực dụng, nên biết rằng đạo lý trong này cũng như vậy. Hai là Bốn lợi tịnh căn lực sở tập khởi duyên: Nghĩa là Bốn giác xưa nay tánh công đức thanh tịnh cùng với đức của các hạnh làm căn bản, từ căn lực này khởi lên các thiện pháp, làm duyên của sự nhóm họp khởi lên pháp thiện, ngay nơi duyên này thành tựu Nhiếp thiện pháp giới. Ba gọi là Bốn tuệ đại bi lực duyên nhiếp chúng sanh giới: Nghĩa là tuệ soi chiếu tục trong bốn giác chính là Đại Bi thường lợi ích chúng sanh dùng duyên này thành tựu Nhiếp chúng sanh giới. Bốn gọi là Nhất giác thông trí lực duyên thuận ở Như trụ: Nghĩa là trí soi chiếu thông suốt tánh trong Bốn giác khiến cho ba nhóm giới đều thuận theo Như an trụ. Như vậy thể của bốn duyên đầy khắp pháp giới do đó thâm nhiếp muôn hạnh cho nên nói là Đại Lực. Tuy có Đại Lực mà cùng một vị lia bỏ các danh tướng sự dụng sai khác, cho nên nói là “Không trụ sự tướng”. Tuy không có sự tướng mà có được công năng thường thâm nhiếp tất cả hạnh đức xuất thế, cho nên nói là “Chẳng thể không có công dụng”. Lý do như vậy cho nên chỉ là Bốn giác. Trong pháp Tục không có nghĩa như vậy, vì thế nói là “Lìa đối với một xứ thì không thể mong”. Trên đây riêng trình bày duyên của ba nhóm giới. Từ đây xuống là nói về thâm nhiếp tất cả muôn hạnh đó. Bắt đầu từ Thập Tín cho đến Đẳng Giác, sáu địa vị như vậy vốn có các hạnh, đều là sự thâm nhiếp thành tựu của Nhất giác, cho nên nói “Một sự thâm nhiếp tất cả sáu hạnh”. Chẳng những Bồ-tát quay về Bốn giác này, mà chư Phật đầy đủ trí cùng quay về biển này, cho nên nói là biển Tát-bà-nhã Bồ-đề Phật”.

Kinh: “Xá-lợi-phất ngôn: Bất trụ sự tướng, bất vô công dụng, thị pháp chân không thường lạc ngã tịnh, siêu ư nhị ngã, đại bát Niết-bàn kỳ tâm bất hệ, thị đại lực quán”. Xá-lợi-phất chép: Không trụ vào sự tướng, chẳng thể không có công dụng, là pháp chân Không thường - lạc - ngã - tịnh, vượt lên trên hai ngã, nhập đại Niết-bàn tâm đó không vướng mắc, là đại lực quán.

Luận chép: Đây là phần thứ năm lĩnh ngộ hiểu rõ. Trong đó có hai: trước là lĩnh ngộ vốn thuận theo Nhất Như, chính là Pháp thân có đủ bốn đức vượt hơn tướng người - pháp là Đại Niết-bàn. Sau là lĩnh ngộ tâm thường thuận theo Như, tùy theo Như lia bỏ vướng mắc mà chẳng có gì không là năng lực Đại tự tại.

Kinh: “Thị quán giác trung ứng cụ tam thập thất đạo phẩm pháp. Phật ngôn: Như thị! Cụ tam thập thất đạo phẩm pháp, hà dĩ cố? Tứ

niệm xứ - tứ chánh cần - tứ như ý túc - ngũ căn - ngũ lực - thất giác - bát chánh đạo đấng, đa danh nhất nghĩa, bất nhất bất dị, dĩ danh số cố đản danh đản tự, pháp bất khả đắc, bất khả chi pháp nhất nghĩa vô văn, vô chi tướng chân thật không tánh, không tánh chi nghĩa như thật như như, như như chi lý cụ nhất thiết pháp. Thiện nam tử! Trụ như lý giả quá tam khổ hải”. Trong quán này giác ngộ nên đầy đủ pháp của ba mươi bảy đạo phẩm. Đức Phật nói: Đúng vậy! Đầy đủ pháp của ba mươi bảy đạo phẩm? Tại vì sao? Vì bốn niệm xứ - bốn chánh cần - bốn như ý túc - năm căn - năm lực - bảy giác chi - tám chánh đạo như nhau, nhiều tên gọi mà cùng một nghĩa, không một không khác, vì danh số chỉ là tên chỉ là chữ, pháp không thật có. Pháp không đạt được đồng nhất nghĩa không có văn tự, tướng không có văn tự chân thật tánh Không, nghĩa của tánh không như thật Như như, lý của Như như đầy đủ tất cả các pháp. Nay người thiện nam! Người an trụ Như lý vượt qua biển ba khổ.

Luận chép: Đây là phần lớn thứ hai nói về Đạo phẩm hành từ chân tánh mà lập nên. Trong đó có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Trong câu hỏi nói “Trong quán giác ngộ này”: Là năng thuận theo quán - sở thuận theo Bốn giác, năng sở bình đẳng trong quán giác ngộ nên đầy đủ hạnh của ba mươi bảy đạo phẩm. Trong phần trả lời có hai: Trước đồng ý - Sau giải thích. Từ “Vì sao? v.v...” trở xuống là phần thứ hai giải thích. Trong đó có hai: Giải thích Trực tiếp - tiếp tục hiển bày. Trong phần đầu nói “Nhiều tên mà một”: Nghĩa của từng mục về ba mươi bảy đạo phẩm chỉ một quán giác mà không có hai pháp. “Không một không khác”: Vì quán giác không một nhưng không khác, dựa theo Bất dị môn cho nên nói là Nhất nghĩa. Từ “Vì danh số v.v...” trở xuống là tiếp tục hiển bày. Trong đó có bốn: 1. Xả bỏ dị nghĩa. 2. Hiển bày nhất nghĩa. 3. Nói về nhất nghĩa có đủ tất cả các pháp. 4. Nói về nhất nghĩa xa lìa các sai lầm. Trong phần Đầu nói “Vì danh số chỉ là danh, chỉ là tự pháp không thể được”: Nghĩa là thế gian tu đạo phẩm hạnh pháp tùy theo danh số cho nên có ba mươi bảy phẩm, giác tuệ của Bồ-tát mười câu nghĩa của từng mục ba mươi bảy pháp đều không thật có. Trong phần thứ hai nói “Pháp không thể được đồng nhất nghĩa không có văn tự”: Nghĩa là lúc mười câu Biệt pháp đó không được, vì pháp này đồng nhất vị bất dứt các văn tự ngôn ngữ. Trong phần thứ ba nói “Tướng của không có văn tự, chân thật vô tánh”: Không đạt được pháp riêng là vì tâm năng quán bất dứt các văn tự ngôn ngữ xa lìa tướng sai khác. Nghĩa của tánh Không như thật Như như”: Tâm năng quán này xa lìa các tướng nghĩa. Vì chẳng khác với lý Như như của Thật tướng. Như

vậy lý Như như của Bốn giác chính là đầy đủ các pháp tu thành tựu đạo phẩm, giống như đúc vàng thì tượng có đủ tướng mạo đẹp đẽ, cho nên nói lý Như như đầy đủ tất cả pháp. Đã an trụ Như lý đầy đủ các công đức, tức là xa lìa tất cả sai lầm tạp nhiễm. Nói người an trụ ở như lý vượt qua biển khổ ba cõi: Đây là phần thứ tư xa lìa các sai lầm tai họa. Trong này sơ lược nói về nghĩa của đạo phẩm. Trong đó chính là dùng bốn câu phân biệt: 1. Thâu nhiếp ba mươi bảy phẩm để làm mười pháp; 2. Thâu nhiếp mười pháp để làm bốn pháp; 3. Thâu nhiếp bốn pháp để làm một nghĩa; 4. Nói một nghĩa có đủ ba mươi bảy phẩm.

Thứ nhất Thâu nhiếp ba mươi bảy phẩm để làm mười pháp ấy là trong Trí Độ Luận chép: “ba mươi bảy phẩm mười pháp làm căn bản cho đến nói rộng ra”, nên biết rằng mở bày mười pháp lập thành ba mươi bảy phẩm. Nói về thể pháp đó chỉ có mười pháp, những gì là mười? Đó là Giới - Tư - Thọ - Niệm - Định và Tuệ, Tín, Cần, An, Xả. Thế nào là mở bày mười pháp thành ba mươi bảy phẩm? Mở bày Giới thành ba: Là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Tư kể ra lập thành một, gọi là Chánh tư duy. Thọ cũng lập thành một, gọi là Hỷ giác phần. Mở bày Niệm thành bốn: Là Niệm căn - Niệm lực - Niệm giác, Chánh niệm. Mở bày định thành tám: Gọi là Bốn Như Ý túc, Định căn, Định lực, Định giác, Chánh định. Tuệ cũng lập thành tám: Đó là Bốn Niệm xứ, Tuệ căn, Tuệ lực, Trạch pháp giác phần cùng với Chánh kiến. Cần cũng lập thành tám: Đó là Bốn Chánh cần - Tinh Tiến căn - Tinh tiến lực - Tinh tiến giác phần và Chánh tinh tiến. Trong Tín lập thành hai: Tín căn - Tín lực. An và Xả đều có một, gọi là Ý giác phần và Xả giác phần. Nói cách chung là có năm trường hợp đó: 1. Mở bày tám có ba, đó là Định - Tuệ - Cần, hai mươi bốn pháp kia thuộc về ba thứ này. 2. Mở bày bốn có một, gọi là Niệm, cho nên bốn pháp kia được một Niệm. 3. Mở bày ba có một, gọi là Giới, cho nên ba pháp kia được một Giới. 4. Mở bày hai có một, gọi là Tín, Tín hai pháp kia. 5. Lập thành một có bốn, Tư - Thọ - An - Xả đều thuộc về tự tánh. Như vậy mười pháp thuộc về ba mươi bảy phẩm.

Thứ hai thâu nhiếp mười pháp thành bốn loại: 1. Giới thuộc về Sắc pháp, gọi là Biểu - Vô biểu; 2. Tư và Thọ được Biến hành tâm sở thâu nhiếp; 3. Niệm - Định - Tuệ thuộc về tâm sở Biệt cảnh; 4. Bốn pháp như Tín - Cần v.v... thuộc về tâm sở Thiện.

Thứ ba Thâu nhiếp bốn pháp thành một nghĩa: Giác tuệ suy xét tìm cầu bốn pháp như vậy thì một sắc pháp đâu có phương sở - không có phương sở đều không có gì đạt được, ba tâm sở sau có thời hay - không

có thời đều không thật có. Vậy thì tuy chẳng phải không có pháp mà pháp bình đẳng một vị không thể nào có pháp để đạt được, nên biết rằng bốn pháp chính là một nghĩa, cho nên chép: “Nhiều tên mà một nghĩa”

Thứ tư nói về một nghĩa có đủ ba mươi bảy phẩm: Nghĩa của năng sở bình đẳng đồng một vị. Quán thân đều không là bốn Niệm xứ, xa lìa biếng nhác là bốn Chánh cần, xả bỏ suy tư vắng lặng diệt sạch là Như ý túc, lìa bỏ các thứ bất tín tức là căn lực, dứt sạch các vô minh tức là bảy giác phần, xa lìa tám tà pháp tức là tám Chánh đạo, như vậy xa lìa tất cả tạp nhiễm, một nghĩa có đầy đủ vô lượng công đức, cho nên nói “Trong quán giác này nên đủ pháp của ba mươi bảy đạo phẩm”. Lại nói “Lý Như như đầy đủ tất cả pháp”.

Kinh: “Xá-lợi-phất ngôn: Nhất thiết muôn pháp giai tất văn ngôn, văn ngôn chi tướng tức phi vi nghĩa, như thật chi nghĩa bất khả ngôn nói, kim chư Như-lai vân hà nói pháp?”. Xá-lợi-phất chép: Tất cả muôn pháp đều là, tướng văn tự ngôn ngữ tức không phải nghĩa, nghĩa của Như thật không thể giảng nói, nay các Đức Như-lai nói pháp thế nào?

Luận chép: Dưới đây là phần lớn thứ ba nói về ngôn giáo của Phật là ứng Như lý nói: Trước hỏi - sau trả lời. Trong phần Hỏi nói “Tất cả muôn pháp: “Tức là các ngôn từ giảng nói của thế gian đã an lập các pháp, pháp như ngôn từ đều không có gì đạt được, chỉ có văn tự ngôn ngữ thì chẳng phải là nghĩa. Thật nghĩa của các pháp bất dứt các giảng nói nay Đức Phật nói pháp nếu là văn tự ngôn ngữ thì không có thật nghĩa, nếu có thật nghĩa thì không phải văn tự ngôn ngữ vì thế hỏi: “Vậy Đức Phật làm thế nào nói pháp?”

Kinh: “Phật ngôn: Ngã nói pháp giả dĩ nhữ chúng sanh tại sanh nói cố, nói bất khả nói, thị cố nói chi. Ngã sở nói giả nghĩa ngữ phi văn, chúng sanh nói giả văn ngữ phi nghĩa, phi nghĩa ngữ giả giai bất không vô, không vô chi ngôn, vô ngôn ư nghĩa, bất ngôn nghĩa giả giai thị nói đối, như nghĩa ngữ giả thật không bất không, không thật bất thật ly ư nhị tướng, trung gian bất trung, bất trung chi pháp ly ư tam tướng, bất kiến nơi chốn, Như như như nói, như vô vô hữu, vô hữu ư vô, như vô hữu vô hữu vô ư hữu, hữu vô bất tại, nói bất tại cố bất tại ư như, như bất hữu như vô như nói”. Đức Phật nói: Ta nói pháp ấy vì ông và chúng sanh đang sanh mà nói, nói chẳng thể nói, cho nên nói điều đó. Điều Ta đã nói ấy là nói về nghĩa, chẳng phải văn, điều chúng sanh nói là nói về văn chẳng phải nghĩa, chẳng phải nói về nghĩa ấy đều là trống rỗng không có, lời nói trống rỗng không có, không có lời nói về nghĩa, không

thể nói về nghĩa ấy đều là nói dối, như nghĩa mà nói ấy thật trống rỗng mà không thể trống rỗng, trống rỗng thật mà không thể thật xa lìa hai tướng, trung gian và không trung gian, pháp của không trung gian xa lìa ba tướng, không thấy nơi chốn, Như Như như nói, như không có - không cái có, không có chẳng còn, nói không còn cho nên không còn đối với như, như không có như chẳng thể không có như mà nói.

Luận chếp: Đây là phần thứ hai trả lời. Trong đó có hai: Trước là lý do của Phật nói, sau là nói lên sự khác nhau của văn nghĩa. Trong phần đầu nói “Vì ông, chúng sanh tại sanh khởi mà nói”: Ông gọi là Thân tử, chúng sanh tức là tất cả phàm phu. Nói về vô vi tức là còn pháp thể, nói về hữu vi tức là sanh khởi pháp tướng. Như vậy nói về còn - sanh khởi không thể nói về thật nghĩa, ta nói khác với kia, “Vì vậy nói điều đó” đây là lý do Đức Phật giảng nói giáo pháp. Kế là trong phần hiển bày tướng văn nghĩa không giống nhau, trước là nêu hai chương - sau là giải thích hai chương. Trong phần nêu lên nói “Nghĩa ngữ chẳng phải văn”: Vì ngôn ngữ tương xứng với thật nghĩa cho nên không phải dứt khoát văn là không. Ngữ không phải nghĩa: Ngôn ngữ chỉ có văn trống rỗng cho nên không liên quan gì nghĩa thật. Thứ hai là trong phần giải thích - Đầu tiên giải thích về chương sau. Nói “Thấy đều là không”: Vì dứt khoát có văn không chẳng có Thật nghĩa, là giải thích về văn ngữ. “Không có nói về nghĩa”: Vì không có giải thích bàn luận đối với nghĩa Như thật, là giải thích phi nghĩa. Trở xuống là tổng kết, nói “Đều là nói dối”: Vì tuy không phải trái với suy tưởng nhưng xa cách với nghĩa, giống như không thấy nói là thấy, thấy nói là không thấy v.v... Từ “Như nghĩa v.v...” trở xuống là tiếp tục hiển bày. Trong phần đầu cũng có hai: Trước là giải thích về chẳng phải văn, sau là giải thích về Nghĩa ngữ. Giải thích về chẳng phải văn. Nghĩa là chẳng phải là không vì chẳng phải văn là không, vì chẳng phải không có nghĩa: Giải thích về nghĩa ngữ: Vì nghĩa phù hợp với ngữ, vì ngữ giống như nghĩa. Đầu tiên trong giải thích nói “Thật không bất không”: Nghĩa là nói về chân như Thật tướng cũng không, vì như trước giảng nói “tướng không cũng không”. “Nói về Thật không, mà không mất đi lý thật Tướng đó cho nên nói Bất không vì tuy không phải có thật nhưng không phải không có thật, Không thật, bất thật”: Nghĩa là nói về lý chân Như là Thật cho nên nói Không thật, mà không giữ lại lý Chân không đó cho nên nói Bất thật, vì tuy không phải không có Không mà không phải có Không. Lìa hai tướng trung gian, không trung gian: Ngữ Bất không xa lìa đối với Không tướng, ngữ của Bất Thật xa lìa đối với Thật tướng cho nên nói

là xa lìa hai tướng. Nhưng giữa hai tướng Không - Thật không thể tồn tại cái ở giữa của không phải hai (Phi nhị), cho nên nói là Trung gian, không trung gian. Đã xa lìa hai bên cũng không rơi vào giữa, cho nên nói là lìa ba tướng. Chỗ Tâm ngôn hành không vượt qua ba tướng, nhưng ở đây Đức Phật nói xa lìa ba tướng, tức là ở trong đó tâm ngôn hết cách, cho nên nói là “Không thấy nơi chốn”. Như vậy khéo hợp với nghĩa của hết đường nói năng, cho nên không giống như văn không có nghĩa. Đây là giải thích về chẳng phải văn vậy. Như như như nói: Là giải thích về nghĩa ngữ, một Như trên là kế hợp xác đáng, hai Như dưới là nghĩa lý, như trước nói “Viễn ly tam tướng” kế hợp xác đáng nghĩa lý Như như mà nói. Vì lẽ đó Đức Phật nói chính là nghĩa ngữ, không giống như phi nghĩa của thế gian nói. Từ “Như vô” trở xuống là phần thứ hai tiếp tục hiển bày, trước là nói về chẳng phải văn, sau là nói về nghĩa ngữ. Trong phần đầu nói “Như vô vô hữu vô hữu ư vô”: Nghĩa là lý chân Như tuy không phải là có mà Như vốn không nên khiến cho không cái có, nghĩa là khiến cho không có pháp có ở trong pháp không, Vì sao? Vì Như vốn chẳng phải có, không đối với có nào mà rơi vào không vậy? Vì vậy phù hợp với lời nói “Thật không bất không”. Như vô hữu vô hữu ư hữu”: Nghĩa là lý chân Như tuy không phải không có mà Như vốn là không nên khiến có cái không có đó: Nghĩa làm cho có pháp không ở trong pháp có, Vì sao? Vì Như vốn chẳng phải không có, có đối với không nào mà rơi vào có vậy? Vì vậy phù hợp với lời nói “Không thật bất thật”. Hữu vô bất tại: Như chẳng có cái có chẳng có cho nên có chẳng tồn tại, Như không cái không có cho nên không có tồn tại, cả hai đã không còn, sao có thể có ở giữa? Chính là hợp với lời nói “Lìa bỏ ba tướng” Như nghĩa đã như vậy hợp với nghĩa ngữ, vì thế cho nên lời Đức Phật nói là Thật chẳng phải văn suông. Như vậy tiếp tục hiển bày giải thích về chẳng phải văn. Đức Phật nói về danh ngôn như vậy thích hợp với lý, cho nên Hậu đắc trí có tên gọi như vậy. Tư duy chân như thì có thể tự mình quán sát Chân như lý thể cho nên còn toàn câu trong bốn câu. Trong phần thứ hai tiếp tục nói về Nghĩa ngữ chép: “Nói không thể tồn tại, nên không thể tồn tại ở Như”: Vì lời Đức Phật đã nói có - không chẳng còn, không còn có - không đối với lý Chân Như, có chẳng còn ấy là vì không có Như, không có chẳng còn ấy là vì chẳng thể không có Như, thì tương xứng với chẳng thể có Như - chẳng thể không có Như mà nói, cho nên chép: “Như chẳng thể có Như Chẳng thể không có Như mà nói, vì vậy trước đó nói Như như như nói. Như vậy hiển bày giải thích lại về nghĩa ngữ. Phần thứ ba trong sáu phần kết thúc.

Kinh: “Xá-lợi-phất ngôn: Nhất thiết chúng sanh tùng nhất Xiển-đề chi tâm trụ hà đẳng vị đắc chí Như-lai - Như-lai thật tướng? Phật ngôn: Tùng Xiển-đề tâm nãi chí Như-lai - Như-lai thật tướng trụ ngũ đẳng vị”. Xá-lợi-phất chép: Tất cả chúng sanh từ tâm Nhất Xiển-đề trụ vào địa vị bậc nào được đến Như-lai, Như-lai thật tướng? Đức Phật nói: Từ Tâm Xiển-đề cho đến Như-lai - Như-lai thật tướng trụ vào địa vị của năm bậc.

Luận chép: Dưới đây là phần lớn thứ tư nói về địa vị Bồ-tát từ Bốn lợi sinh ra. Trong đó có hai: Trước hỏi - kể đến trả lời. Trong phần trả lời có 3: 1/ Đưa ra số nêu chung lên; 2/ Giải thích riêng; 3/ Nói chung. Đây chính là nêu chung năm đẳng vị: Đẳng là nói về tầng bậc. Từ tâm Xiển-đề: Trước khi chưa phát tâm vô thượng Bồ-đề đều gọi là Xiển-đề, vì không có niềm tin quyết định đối với Đại thừa. Nhưng Nhất Xiển-đề sơ lược có hai thứ: 1/ Phát đại nguyện nhất Xiển-đề. Đó gọi là người thường không nhập Niết-bàn; 2/Vô đại tính nhất Xiển-đề: Loại này cũng có hai: Một Biệt nhất xiển đề: Nghĩa là người khởi lên đại tà kiến dứt mất gốc lành, Hai là Thông nhất Xiển-đề: Nghĩa là người chưa phát tâm Đại thừa không có niềm tin Đại thừa cho đến quả Nhị thừa đều xếp vào vị trí Xiển-đề này. Trong văn này dựa theo loại cuối cùng này cho nên nói là từ tâm nhất Xiển-đề cho đến Như-lai có năm bậc địa vị, người chưa nhập vào Thập tín đều gọi là Xiển-đề. Trong này trước tiên nói về giới hạn thích hợp của năm địa vị: Thứ nhất địa vị Tín ở Thập tín hạnh, tuy chưa được bất thối mà phát tâm Đại thừa, kinh Bốn Nghiệp gọi là Bồ-tát Tín tướng. Thứ hai địa vị tư ở Ba mươi tâm tư duy, suy lường đạo lý duy thức của các pháp đều đủ mà chưa chân thật chứng, tu vô phân biệt. Thứ ba địa vị tu ở Thập Địa hạnh, vì được chân thật tín tu đối trị mười chướng. Thứ tư địa vị ở Đẳng giác hạnh vì nhân hạnh đã đầy đủ mà chưa đến quả địa. Thứ năm địa vị Xả ở tại Diệu giác địa, vì không giữ lấy vắng lặng mà đại bi hóa độ rộng khắp. Lý do lập ra năm bậc địa vị ấy nghĩa là biểu hiện sự sai khác về địa vị còn lui sụt và không lui sụt, sự sai khác về địa vị chứng và không chứng, sự sai khác về địa vị đồng đẳng và không đồng đẳng, sự sai khác về địa vị nhân đầy đủ, sự sai khác về địa vị về quả trọn vẹn, như thứ tự đó lập thành năm bậc địa vị. Đại ý như vậy. Kế là giải thích văn đó.

Kinh: “Nhất dã tín vị, tín thử thân trung chân như hạt giống, vì vọng sở ế, xả ly vọng tâm, tịnh tâm thanh bạch, tri chư cảnh giới ý ngôn phân biệt”. Một là địa vị Tín: Tín hạt giống chân như trong thân này, bị vọng tưởng che lấp, lìa bỏ vọng tâm thì tâm tịnh thuần thiết, biết các

cảnh giới từ ý ngôn phân biệt.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai riêng giải thích: Trong phần đầu có hai: Trước là Tín - sau là Giải. Đầu tiên nói về Tín: Nói là tin có ba thứ Phật tánh: Tin thứ hạt giống chân như ở trong thân này là tin trụ ở tự tánh chân như của Phật tánh, là tin hạt giống của Đệ nhất nghĩa Không, tức là hạt giống Trung đạo A-nậu-Bồ-đề. Tự tánh tịnh tâm xưa nay pháp là như vậy cho nên gọi là Chân như. Cho quả của ba thân mà làm chánh nhân cho nên gọi là Hạt giống. Chưa phát tâm an trụ gọi là trụ tự tánh, chưa vượt ra các chướng vì bị vọng che lấp. Nói xả ly vọng tâm là tin tưởng dẫn lối đưa ra Phật tánh. Từ địa vị Thập Tín cho đến Đẳng Giác dần vượt ra các chướng không tin - không biết, tùy đó xả bỏ tâm thô vọng phân biệt. Nói tịnh tâm thuần khiết: Là tin tưởng đến được Phật tánh, nghĩa là sau khi đến đạo lìa bỏ tất cả cấu nhiễm nên tự tánh tịnh tâm hiển hiện rõ ràng. Chữ tín ở câu trên nối liền hai câu dưới vậy. “Biết các cảnh giới ý ngôn phân biệt”: Đã tin tưởng ba thứ Phật tánh, cũng biết rõ lý Duy thức, biết tâm vốn giữ lấy tất cả cảnh giới chỉ là ý ngôn phân biệt mà tạo thành, nếu lìa bỏ phân biệt thì không hề có gì.

Kinh: “Nhi giả tư vị tư giả quán chư cảnh giới duy thị ý ngôn, ý ngôn phân biệt tùy ý hiển hiện, sở kiến cảnh giới phi ngã bốn thức, tri thủ bốn thức phi pháp phi nghĩa phi sở thủ phi năng thủ”. Hai là địa vị Tư, Tư là quán xét các cảnh giới chỉ là ý ngôn, ý ngôn phân biệt tùy theo ý mà hiển hiện, cảnh giới nhìn thấy chẳng phải Thức vốn có (bốn thức) của Ngã, biết thức vốn có này không phải pháp - không phải nghĩa, không phải sở thủ - không phải năng thủ

Luận chép: Đây là nói về địa vị tư, cũng có hai câu: Trước là nói về quán vô tướng tầm tư, sau là nói về vô sanh như thật trí. Đầu tiên là nói về Quán: Là suy nghĩ quán sát. Chỉ là ý ngôn: Vì ngoại cảnh đã giữ lấy không hề có gì. Tùy ý hiển hiện: Tức giống như tướng phần bên ngoài không lìa bỏ cái thấy. Chẳng phải là thức vốn có của ngã. Lìa bỏ Thức rồi cảnh giới nhìn thấy bên ngoài đã không phải là thức của Ngã cho nên không hề có gì. Trong này nói Bốn Thức ấy: Gọi là Thức thứ sáu là nguồn gốc của ba cõi. Như Bồ-tát Đề Bà đã nói tụng: “Ý thức nguồn gốc của ba cõi, các trần cảnh là nhân của nó, nếu thấy trần cảnh chẳng phải có, hạt giống có tự nhiên diệt mất”. Trên đây là nói chung về không có tướng tầm tư và Như thật trí. Từ đây trở xuống là nói về đạo lý vô sanh đó. Tri bốn thức này không phải pháp, chẳng phải nghĩa: Vì không phải pháp năng thuyên, không phải nghĩa sở thuyên, biết danh và nghĩa sở thuyên, biết danh và nghĩa làm khách lẫn nhau. Không phải

sở thủ không phải năng thủ: Trần cảnh vốn giữ lấy đã không có, vì thế chủ động giữ lấy không thể thành tựu. Nghĩa của chủ động giữ lấy chắc chắn chờ đợi cái bị giữ lấy đã không có cái chờ đợi thì không có sự chủ động chờ đợi. Đây là nói chung về Vô sanh tâm tư và Như thật trí. Bắt đầu từ Thập Giải trở lên cho đến Thế đệ nhất pháp tu quán Tầm tư Như thật trí này. Trong đó cũng có tu tuệ quán sát, nhưng đều chưa lìa bỏ Tư quán sát phân biệt nên gọi chung là địa vị Tư.

Kinh: “Tam giả tu vị, tu giả thường khởi năng khởi khởi tu, đồng thời thiên dĩ trí đạo bài chư chướng nạn xuất ly cái triền”. Ba là địa vị Tu, Tu-là thường phát khởi và cái bị phát khởi tu tập đồng thời, trước là dùng trí dẫn dắt loại bỏ các chướng nạn vượt khỏi sự ràng buộc của phiền não.

Luận chép: Đây là nói về địa vị Tu. Cũng có hai câu: Trước nói về tướng tu, sau nói về nhân Tu. Nói Tu tướng: Nghĩa là Chánh Thể trí chỉ quán vận dụng cả hai lại không có ra vào nên nói là Thường khởi. Nói năng khởi: Nghĩa là Chỉ chủ động phát khởi, vì thế thường phát khởi quán. Kế là nói Khởi: Nghĩa là Quán được phát khởi. Chỉ và Quán không xa lìa cho nên nói là Đồng thời, vì Chỉ tướng quán Như cần phải cùng lúc; là nói về tướng Tu. Kế là nói về Nhân đó, sở dĩ đạt được Tu vận dụng cả hai như vậy là vì Gia hạnh trước tiên loại bỏ các chướng nạn. Nói trí đạo: Nghĩa là Gia hạnh trí - ý ngôn phân biệt không lìa bỏ danh ngôn cho nên gọi là Trí dẫn dắt. Bảy Địa trở lên trong tất cả các Địa đều có Gia hạnh trước là điều phục chướng. Loại bỏ các chướng nạn: Là vì thô trọng khuất phục giảm bớt. Xuất ly triền cái: Là vì không khởi lên ràng buộc hiện hành.

Kinh: “Tứ giả Hành vị, Hành giả ly chư hành địa, tâm vô thủ xả cực tịnh lợi căn, bất động tâm như quyết định thật tánh, đại bát Niết-bàn duy tánh không đại”. Bốn là địa vị Hành, Hành là lìa bỏ các Hành địa, tâm không có lấy bỏ, lợi căn rất thanh tịnh, tâm bất động như Thật tánh quyết định, nhập Đại Niết-bàn chỉ là tánh “Không” rộng lớn.

Luận chép: Đây là địa vị Đẳng Giác. Cũng có hai câu: Trước là nói về tình trạng địa vị, sau là nói về Hành đó. Trong phần đầu nói “Lìa các Hành địa”: Vì Hành vượt hơn Thập Địa. Tâm không thủ xả: Vì hiểu rõ cùng với Phật như nhau, cho nên giải thích địa vị này gọi là Đẳng Giác hành. Kế là tổng kết. Nói “Lợi căn thanh tịnh”: Nghĩa là tâm Bốn giác hiển bày nhân thành tựu đầy đủ. Kế đến là nói trong Hành nói “Tâm bất động như thật tánh quyết định”: Vì địa vị này được nhập vào Tam-muội Kim Cương. Đại bát Niết-bàn chỉ là tánh Không rộng lớn.

Vì vắng lặng vô vi nhất tướng Như kinh Bốn Nghiệp chép: “Nhập vào Tam-muội Kim Cương một tướng vô tướng vắng lặng vô vi gọi là Vô Cấu Địa”.

Kinh: “Ngũ giả xả vị, xả giả bất trụ tánh không chánh trí lưu dịch, đại bi như tướng, tướng bất trụ như, tam miệu tam Bồ-đề hư tâm bất chứng, tâm vô biên tế, bất kiến nơi chốn, thị chí Như-lai”. Năm là địa vị xả, xả là không trụ vào tánh không chánh trí trôi lăn thay đổi, Đại bi Như tướng - tướng không trụ vào Như, Tam-miệu-tam-Bồ-đề, tâm như hư không không chứng, tâm không có giới hạn, không thấy nơi chốn, là đến Như-lai.

Luận chép: Đây là nói về Phật địa. Cũng có hai câu: Trước là nói về nghĩa của xả, tức là dùng ba nghĩa hiển bày tướng xả đó. Không trụ ở tánh không, chánh trí chuyển đời: Vì không trụ vào Niết-bàn nguôi thân bất trí mà trí chẳng thể diệt mất, tùy theo trí nối tiếp trôi lăn thuận theo căn thay đổi để làm Phật sự. Đại bi Như tướng tướng không trụ vào Như: Vô duyên Đại Bi không giữ lấy tướng sai khác của người - pháp, cho nên nói là Như tướng. Thường trải qua sáu đường chưa hề dừng nghĩ, cho nên nói là Tướng không trụ vào Như. Tam miệu Hán dịch là Chánh, Tam ấy nói là Đẳng, Bồ-đề nói là Giác tức là Viên mãn vô thượng Bồ-đề. Không trụ vào trong đó tâm như hư không không chứng. Trong ba nghĩa này hai nghĩa trước không trụ vào Niết-bàn cho nên xả, một nghĩa sau không giữ lấy Bồ-đề cho nên xả. Kế là nói về tình trạng địa vị. Tâm không giới hạn: Quay về một nguồn tâm thì thể của tâm rộng khắp, khắp cả mười phương cho nên không giới hạn, khắp cả ba đời cho nên không thời; tuy khắp cả ba đời mà không khác nhau về xưa - nay, tuy rộng khắp mười phương mà không có nơi này nơi kia. Vì điều này cho nên nói là “Không thấy nơi chốn.” Như vậy quả cuối cùng cao nhất không chung với quả vị khác, chỉ có người vâng theo Như là đến nơi sẽ đến. Vì điều này cho nên nói “Là đến Như-lai”. Trên đây nói riêng về địa vị của năm bậc hoàn tất.

Kinh: “Thiện nam tử! Ngũ vị nhất giác từng bốn lợi nhập, nhược hóa chúng sanh từng kỳ bốn xứ”. Nay người thiện nam! Năm địa vị đồng một Giác thuận theo Bốn lợi nhập vào, nếu hóa độ chúng sanh thì thuận theo nơi căn bản đó.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai nói chung. Trong đó có hai: 1. Nói trực tiếp về thuận theo căn bản (từng bốn). 2. Tiếp tục hiển bày lại. Đây là cửa thứ nhất (sơ môn). Các hạnh của năm địa vị không lìa bỏ Bốn giác, chẳng có gì không đều từ Bốn lợi mà thành tựu. Lúc thành tựu

hạnh thuận theo trước nhập vào sau, cho nên gọi là Nhập. Nhập là tự lợi hóa là lợi tha, hai hạnh như vậy đều từ căn bản (bổn xứ).

Kinh: “Xá-lợi-phất ngôn: Vân hà từng kỳ bổn xứ? Phật ngôn: Bổn lai vô Bổn, xứ ư vô xứ, không tế nhập thật, phát Bồ-đề nhi mãn thành thánh đạo, hà dĩ cố? Thiện nam tử! Như thủ chấp bử không bất đắc phi bất đắc”. Xá-lợi-phất chép: Thế nào là thuận theo chỗ căn bản đó? Đức Phật nói: Xưa nay không có chỗ ban đầu (bổn xứ), ở nơi giới hạn rộng không, không có nơi chốn mà nhập vào thật, phát khởi Bồ-đề mà thành tựu tựa đầy đủ Thánh đạo, tại vì sao? Nay người Thiện Nam! Vì giống như tay nắm hư không kia, không được mà chẳng phải không được.

Luận chép: Đây là phần hiển bày lại. Trong trả lời có hai: Trước là pháp - sau là Dụ. Bốn câu nói pháp, hai câu trước nói về Bổn xứ vô xứ, hai câu sau nói thuận theo thành tựu nhân quả. “Vì sao” là nêu lên nghi ngờ phát khởi, tại vì sao? Nếu vốn là không có nơi chốn thì phải không được nhập vào, nếu có thể nhập vào thì chẳng phải là không có nơi chốn ban đầu (bổn xứ). Để xả bỏ nghi ngờ này cho nên dẫn ra thí dụ giải thích. “Tay nắm lấy hư không”: Tay nắm dụ cho hạnh của năng nhập, hư không dụ cho căn bản của sở nhập. “Không thể được”: Là vì hư không chẳng có hình thể để nắm bắt. “Không phải không được”: Là vì bên trong nắm tay chẳng thể không có hư không. Bổn lợi cũng như vậy, xưa nay tánh không có nơi chốn ban đầu cho nên không thể được. Ban đầu của không có ban đầu chẳng thể không có cho nên chẳng phải không thể được.

Kinh: “Xá-lợi-phất ngôn: Như tôn sở nói, tại sự chi tiên thủ dĩ bổn lợi, thị niệm vắng lặng, vắng lặng thị như, tổng trì chư đức, cai la muôn pháp, viên dung không hai, không thể nghĩ bàn, đương tri thị pháp tức thị Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú”. Xá-lợi-phất chép: Như những điều Thế Tôn đã nói, đối với sự việc trước nhận lấy vì Bổn lợi, niệm này vắng lặng, vắng lặng là Như, nắm giữ tất cả các đức, thu thập trọn vẹn muôn pháp, dung hợp đầy đủ không hai, không thể nghĩ bàn được, nên biết pháp này chính là Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, là câu chú rất thần diệu, là câu chú rất sáng tỏ, là câu chú sáng tỏ cao nhất, là câu chú không có gì sánh bằng.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ năm nói về Đại Bát-nhã viên dung vô nhị. Trong đó có hai: 1. Thân Tử kính xin thưa hỏi. 2. Đức Như-lai nói về thành tựu. Trong phần đầu cũng có hai: Trước là lĩnh ngộ về Bổn lợi viên dung Đức Phật đã nói, sau là nói chính là Đại Bát-

nhã Độ. Nói “Đối với sự việc trước tiên nhận lấy vì Bốn lợi”: Là lĩnh ngộ lời Đức Phật nói, hễ mỗi khi muốn phát biểu lời nói, làm Phật sự thì trước tiên giữ lấy lợi ích của Bốn giác đó, niệm sanh tử này xưa nay vắng lặng, như vậy vắng lặng tức là Như lý, trong lý thâm nhiếp toàn bộ các đức Bốn - Thủ, cũng chính là thu thập trọn vẹn các pháp sanh tử, dung hợp hoàn toàn không hai, vì thế cho nên rất sâu xa không thể nghĩ bàn. Trong này tuy đầy đủ vô lượng công đức, mà Thể đó chỉ là Bốn giác và Thủ giác bình đẳng không hai, cho nên nói Chính là Ma-ha Bát-nhã. Bát-nhã như vậy cùng tận nguồn gốc tâm tánh cho nên nói là Ba-la-mật. Nói riêng có hai thứ đạt đến: Ở địa vị Đẳng giác đến được bờ bên kia của muôn hạnh, và ở thời gian Diệu Giác đến được bờ bên kia của muôn đức. Ở địa vị Đẳng Giác sơ lược có hai đạt đến: 1. Có thần lực rộng lớn hàng phục sự oán hận của ba thứ ma, như kinh nói “Là đại thần chú”. 2. Có đại minh soi chiếu khắp nơi xét kỹ cảnh giới của bốn loại mắt, như kinh nói “Là chú rất sáng”. Trong địa vị Diệu Giác cũng có hai đạt đến: 1. Bốn trí đầy đủ năm mắt trọn vẹn, chiếu soi cùng tận pháp giới không thể nào thêm nữa, như kinh nói “Là chú rất sáng vô thượng”. 2. Ba thân vốn biểu hiện vô thượng Bồ-đề càng không có bậc nào khác với Chư Phật, như kinh nói “Là chú không gì bằng”. Chú là cầu nguyện. Như thần chú thế gian có uy lực rộng lớn, tụng chú cầu đảo thần linh không phước nào không chiêu tập - không họa nào không lùi bước. Nay Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật này cũng giống như vậy, đầy đủ bốn đức trước có thần lực rộng lớn, bên trong thì chẳng có đức nào không thể đầy đủ, bên ngoài thì không có tai họa nào không thể xa lìa. Nếu tâm chí thành tụng câu danh ngôn này kính ngưỡng cầu xin chư Phật - Bồ-tát và Thần nhân, tùy theo những sự cầu nguyện đó không có gì không thể thành tựu. Y cứ vào nghĩa này cho nên gọi là Chú. Như trời Đế-thích tụng câu danh ngôn này đẩy lùi chiến sự của quân đội Tu-la, trong này sẽ nói.

Kinh: “Phật ngôn: Như thị như thị! Chân như không tánh, tánh không trí hỏa thiêu diệt chư kết, bình đẳng bình đẳng, Đẳng Giác tam địa, Diệu Giác tam thân, ư cửu thức trung giáo nhiên minh tịnh vô hữu chư ảnh”. Đức Phật nói: Đúng vậy, đúng như vậy! Chân như không tánh, lửa trí của tánh Không đốt cháy diệt hết các kết sử, bình đẳng và bình đẳng, Đẳng Giác ba Địa, Diệu Giác ba Thân, ở trong chín Thức sáng ngời trong sáng không có các hình ảnh.

Luận chép: Dưới đây là Như-lai thuật về thành tựu. Trong đó có ba: Trước là nói chung kế là nói riêng, sau cùng tức là tổng kết thành

tự. Nói chung về thành tựu là: “Đúng vậy đúng vậy”! Trong phần riêng cũng có hai: Trước là nói về về nghĩa đạt đến nhân đầy đủ, sau là nói về về nghĩa đạt đến quả tròn vẹn. Trong phần đầu tức là nói về Đẳng Giác tam Địa. Những gì gọi là Đẳng Giác tam Địa? Đó là: 1. Địa vị trăm kiếp; 2. Địa vị ngàn kiếp; 3. Địa vị muôn kiếp. Như kinh Bốn Nghiệp chép: “Phật tử Ma-ni Anh Lạc Tự là một người trong tánh Đẳng Giác, người đó tên gọi Kim Cương Tuệ Bồ-tát, trụ vào đỉnh cao tịch định dùng lực đại nguyện an trụ thọ mạng trăm kiếp, tu ngàn Tam-muội rồi nhập vào Tam-muội Kim Cương, giống như tánh của tất cả các pháp, hai đế - một đế đồng nhất phù hợp tướng; trở lại an trụ thọ mạng ngàn kiếp học theo oai nghi của Phật, cho đến nhập vào hành xứ của Phật, ngồi nơi đạo tràng của Phật, siêu độ ba thứ ma; tiếp tục an trụ thọ mạng muôn kiếp, hóa hiện thành tựu quả Phật, cho đến hiện rõ giống như chư Phật quá khứ (Cổ tích) thường hành Trung đạo, Đại Lạc vô vi mà sanh, diệt làm đi”. Nay văn này nói “Chân như Không tánh”: Tức là thứ nhất đồng nhất hợp tướng, nghĩa là cùng với tất cả các pháp có - không chính là pháp của hai đế cùng dung hòa một đế, vì một đế tức là đồng một hợp tướng; như vậy gọi là chân Như không Tánh. “Lửa trí của tánh Không đốt hết các kiết sử”: Tức là thứ hai siêu độ tam ma. Diệt các kết: Là dứt trừ ma phiền não - diệt sạch phiền não, ma ám không trói buộc - là dứt trừ hai ma, ma trời tự hàng phục, chỉ có ma sanh tử Biến dịch không thể nghĩ bàn mà thôi. “Bình đẳng Bình đẳng”: Tâm thức là thứ ba thường hành Trung đạo không rơi vào hai bên cho nên nói Bình đẳng, vì nói lên thường hành cho nên nói hai lần Bình đẳng. Đẳng Giác tam địa: Tổng hợp ba Địa trước. Trong này hai Địa trước là thuật về Đại thần chú, Địa thứ ba thuật về Đại minh chú. Từ “Diệu Giác v.v...” trở xuống là nói đạt đến quả tròn vẹn. Nói ba thân. Một gọi là Pháp thân, hai là Ứng thân, ba là Hóa thân. Đạo của ba thân tất cả chư Phật giống nhau, là thuật về câu “Vô đẳng đẳng chú”. Ở trong chín Thức sáng ngời trong sạch không có hình ảnh: Là thuật về câu Vô thượng minh chú: Địa vị Đẳng Giác trước còn có sanh diệt chưa đạt tới tận cùng nguồn tâm, cho nên ở tại tám Thức. Nay đạt đến Diệu Giác xa lìa hẳn sanh tử quay về cùng tận nguồn cội nhất tâm của Bốn giác, cho nên nhập vào trong Thức thứ chín trong sáng. Lại, nhân vị trước có nghĩa nương nhờ theo duyên, cho nên tâm đó hiện bày tướng của ảnh tượng. Nay quay về nguồn tâm là Thể của bản chất kia, do vậy các ảnh tượng của tất cả các tướng hết sạch. Căn cứ điều này cho nên nói “Không có các ảnh”. Như kinh Bốn nghiệp chép: “Phật tử Thủy Tinh Anh Lạc trong ngoài sáng

suốt thường an trụ Diệu Giác sâu thẳm trong sáng gọi là Nhất-thiết-trí Địa, thường ở nơi Trung đạo, trên tất cả các pháp vượt trên bốn loại ma, chẳng phải có - chẳng phải không - sạch sẽ tất cả các tướng, lập tức hiểu rõ Đại giác thay đổi cùng tận Thể thần, hai thân thường trụ để hóa độ người có Duyên”. Xét rằng: Kinh ấy lập ra hai thân là: 1. Thân Pháp tánh. 2. Ứng thân - hóa thân - Pháp thân, vì hợp hai thân còn lại là một thân. Nay trong kinh này mở bày thân này làm thành hai cho nên nói là ba thân, ba cùng với hai bình đẳng và bình đẳng. Trên đây nói riêng về nghĩa đạt đến bờ bên kia.

Kinh: “Thiện nam tử! Thị pháp phi nhân phi duyên, trí tự dụng cố, phi động phi tĩnh, dụng tánh Không cố, nghĩa phi hữu vô, không tướng không cố. Thiện nam tử! Nhược hóa chúng sanh, linh bỉ chúng sanh quán nhập thị nghĩa, nhập thị nghĩa giả thị kiến Như-lai”. Nay người thiện nam! Pháp này chẳng phải nhân chẳng phải duyên, vì trí tự sử dụng, chẳng phải động chẳng phải tĩnh, vì dụng của tánh là không, nghĩa chẳng phải có - không, vì không cả tướng Không. Nay người Thiện nam! Nếu giáo hóa chúng sanh, khiến cho chúng sanh kia quán xét nhập vào nghĩa này, người nhập vào nghĩa này là thấy Như-lai.

Luận chép: Đây là chung về thành tựu viên dung không hai. Phía trên dựa theo môn từ đơn giản nhập vào sâu sắc để nói lên sự sai khác về nhân đầy đủ quả trọn vẹn. Nếu dựa vào môn một pháp không hai thì nhân quả không hai là tâm cảnh không khác. Nhân quả không hai cho nên nói chẳng phải nhân. Tâm cảnh không khác cho nên nói là chẳng phải duyên. Vì sao? Vì như trước đã nói, nhân quả - tâm cảnh ấy chỉ là Tự dụng của một trí trọn vẹn (Viên trí), đã chỉ là Tự dụng thì đâu nhân đâu duyên vậy? Lại, dụng của Trí này ở tại địa vị Đẳng Giác gọi là Chiếu Tịch Tuệ, vì chưa lìa bỏ tướng động của sanh diệt. Đến địa vị Diệu Giác gọi là Tuệ Tịch Chiếu, vì đã trở về sự vắng lặng rốt ráo của Thức thứ chín. Nhưng nay dựa vào môn không hai trí đó, không phải trước có động - không phải sau có tịch, vì dụng của động tĩnh là sử dụng tánh Không. Nếu y cứ vào nghĩa này thì tánh Không là không có, vì không có động - tĩnh, như vậy cũng không đúng, cho nên nói là chẳng phải có, chẳng phải không. Chẳng phải có có thể như vậy, thế nào là chẳng phải không? Vì tướng Không cũng không. Như vậy nói về thành tựu viên dung không hai. Từ “Nếu hóa v.v...” trở xuống là khuyến khích hội nhập nghĩa này.

Kinh: “Xá-lợi-phất ngôn: Như-lai nghĩa quán bất trụ chư lưu, ứng ly bốn thiền nhi siêu hữu đẳng. Phật ngôn: Như thị! Hà dĩ cố? Nhất thiết

pháp danh số, bốn thiền diệt như thị. Nhược kiến Như-lai giả, Như-lai tâm tự tại, thường tại diệt tận xứ, bất xuất diệt bất nhập, nội ngoại bình đẳng cố”. Xá-lợi-phất chép: Quán nghĩa Như-lai không trụ vào các sự trôi lăn, phải liả bỏ bốn thiền mà vượt lên Hữu Đảnh. Đức Phật nói: Đúng như vậy! Tại vì sao? Vì tất cả các pháp đều là danh số, bốn thiền cũng như vậy. Nếu thấy Như-lai là tâm Như-lai tự tại, thường ở nơi diệt tận, không ra cũng không vào, vì trong ngoài bình đẳng.

Luận chép: Dưới đây là phần lớn thứ sáu nói về Đại thiền định vượt trên các danh số. Trong đó có hai: Trước hỏi - sau trả lời. Trong phần Hỏi nói các lưu: Đó gọi là ba cõi trôi lăn qua lại không dừng nghỉ. Hữu Đảnh: Gọi là Phi tướng Xứ đỉnh của ba cõi. Trong phần trả lời có hai: Chung đồng ý - thành tựu riêng. Trong phần riêng cũng có hai: Sơ lược nói giải thích rộng. Trong phần sơ lược có hai câu: Trước là nói Thiền thế gian không liả bỏ danh số, sau là nói thiền xuất thế vượt quá danh số kia nếu thấy Như-lai: Như trước đã nói về nhập vào quán Như-lai. Như-lai tâm tự tại: Vì quán tâm Như-lai xa liả các trói buộc. Thường ở chỗ diệt tận: Vì pháp tâm và tâm sở bất sanh khởi. Không ra cũng không vào: Vì tâm thể như lý không có khởi diệt, cho nên thường đạt được không ra vào ấy là vì quán nội tâm và ngoại cảnh bình đẳng. Văn trình bày sơ lược xong.

Kinh: “Thiện nam tử! Như bĩ chư thiền quán giai vi cố tướng định, thị như phi phục bĩ, hà dĩ cố? Dĩ như quán như thật, bất kiến quán như tướng, chư tướng dĩ vắng lặng, vắng lặng tức như nghĩa, như bĩ tướng thiền định, thị động phi thị thiền, hà dĩ cố? Thiền tánh ly chư động, phi nhiễm phi sở nhiễm, phi pháp phi ảnh, ly chư phân biệt bốn nghĩa nghĩa cố. Thiện nam tử! Như thị quán định nãi danh vi thiền”. Nay thiện nam! Như các thiền quán kia đều là định cố Tướng, Như này không phải trở lại các Tướng định kia. Vì sao? Vì dùng Như quán như thật, không thấy quán tướng Như, các tướng đã vắng lặng, vắng lặng chính là nghĩa Như. Như của Tướng thiền định kia là động chẳng phải là thiền, tại vì sao? Vì tánh thiền xa liả các động, chẳng phải nhiễm, chẳng phải bị nhiễm, không phải pháp - không phải ảnh, xa liả các phân biệt vì nghĩa vốn là nghĩa. Nay người thiện nam! Quán định như vậy mới gọi là thiền.

Luận chép: Đây là phần thứ hai giải thích rộng. Trong đó có bốn: 1. Đối chiếu tướng để nói về xa liả tướng; 2. Đối chiếu động để hiển bày xa liả động; 3. Kết luận về nghĩa; 4. Kết luận về danh. Trong phần đầu tiên trước là nêu lên các thiền giữ lấy tướng. “Các thiền quán”: Là tám thứ thiền thế gian. Nói “định Cố Tướng”: Là không thể liả bỏ chấp

trước xa xưa từ vô thí mà vọng tưởng giữ lấy các tướng. Trở xuống là nói về xa lìa tướng. Như này không phải trở lại các Tướng định kia: Vì nhập vào Như-lai quán năng sở bình đẳng gọi là Như. Dùng Như quán như thật: Vì trí bình đẳng thông suốt như thật. Không thấy quán tướng Như: Không thấy tướng sai khác của trí năng quán và Như sở quán vì bình đẳng một vị. Đã quên tướng thấy năng sở không khởi dậy cho nên nói là các tướng đã vắng lặng. Vắng lặng không sai khác cho nên chính là nghĩa Như. Từ “Như v.v...” là đối chiếu động hiển bày xa lìa động. Trước là nêu lên cái động đó, nghĩa là thiền thế gian giữ lấy tướng tâm khởi lên tức là động niệm. Động niệm chẳng phải tĩnh cho nên không phải chân thật thiền. Xuống dưới là nói thiền chân thật xa lìa các tướng động niệm. Không phải nhiễm là không năng nhiễm, không động niệm. Không phải sở nhiễm: Vì chẳng động sở nhiễm xưa nay vốn tĩnh. Nói phi pháp: Vì không phải tâm pháp năng duyên. Không phải ảnh: Vì không phải ảnh tượng sở hiện. Căn cứ vào nghĩa này cho nên xa lìa các động niệm. Là các phân biệt, vì nghĩa vốn là nghĩa: Là phần thứ ba kết luận về nghĩa. Là phân biệt: Là kết luận về nghĩa xa lìa tướng, vì xa lìa phân biệt không giữ lấy tướng. Vì nghĩa vốn là nghĩa: Là kết luận về nghĩa xa lìa động, vì xưa nay tĩnh không khởi lên động. Quán định như vậy mới gọi là thiền: Là phần thứ tư kết luận về danh Xa lìa tướng - xa lìa động mới đạt được tên gọi là Thiền đó là thiền, vì thiền là tên gọi của Tĩnh lực. Thế gian kia đặt tên gọi là Thiền ấy là thiền giả hiệu chứ không phải thiền chân thật. Trong nội dung một phẩm này có hai phần, đây là chỉ người lợi căn giảng nói mở rộng nhiều văn, văn của sáu phần ở trước đã xong.

Kinh: “Xá-lợi-phất ngôn: Bất khả tư nghị, Như-lai thường dĩ như thật nhi hóa chúng sanh, như thị thật nghĩa đa văn quảng nghĩa, lợi căn chúng sanh nãi khả tu chi, độn căn chúng sanh nan dĩ thố ý, vân hà phương tiện linh bỉ độn căn đắc nhập thị đế?”. Xá-lợi-phất chép: Không thể nghĩ bàn! Như-lai thường lấy Như thật mà giáo hóa chúng sanh, thật nghĩa như vậy văn nhiều nghĩa rộng, chúng sanh hạng lợi căn mới có thể tu tập, chúng sanh hạng độn căn khó mà dụng tâm, phương tiện thế nào làm cho hạng độn căn kia có thể nhập vào đạo lý này?

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai vì hạng độn căn mà văn ít thâm nhiếp sơ lược. Nhưng lợi - độn - rộng - lược có hai thứ môn. Nếu luận về thăm dò hiểu rõ thì lợi căn sơ lược mà độn căn mở rộng vì hạng lợi căn nghe một mà biết mười. Hạng độn căn nghe mười mới hiểu mười. Nếu như nhau nói - hiểu thì lợi căn mở rộng mà độn căn sơ

lược, vì hạng lợi căn nghe nhiều mà hiểu nhiều, hạng độn căn ít đọc mà lại nắm giữ toàn bộ. Nay ý văn này dựa theo môn sau này. Trong văn có năm: 1. Hỏi; 2. Trả lời; 3. Thỉnh cầu; 4. Giảng nói; 5. Đại chúng nghe giảng nói đạt được lợi ích. Đây chính là văn phần đầu, trong đó có hai: Trước là lĩnh ngộ những gì giảng nói trước đây, sau là thưa hỏi những điều nghi ngờ. Thố ấy là giữ lại ý (tồn ý). Văn nhiều nghĩa rộng hạng độn căn tài năng hẹp hòi khó mà giữ lại ý.

Kinh: “Phật ngôn: Linh bỉ độn căn thọ trì nhất tứ cú kệ tức là nhập thật đế, nhất thiết Phật pháp nhiếp tại nhất kệ trung”. Đức Phật nói:

Khiến cho hạng độn căn kia tiếp nhận ghi nhớ một bài kệ bốn câu tức thì nhập vào thật đế, tất cả Phật pháp thâm nhiếp vào trong một bài kệ.

Luận chép: Đây là phần thứ hai trả lời. Như-lai có biện tài vô ngại tự tại, nói một bài kệ thâm nhiếp mọi Phật pháp, nội dung quan trọng của Phật pháp ở tại bốn câu này. Làm cho hạng độn căn đọc tụng nắm giữ một bài kệ mà thường nhớ nghĩ tư duy, cho đến biết khắp tất cả Phật pháp, đây gọi là phương tiện khéo léo của Như-lai.

Kinh: “Xá-lợi-phất ngôn: Vân hà nhất tứ cú kệ, nguyện vì nói chi!”. Xá-lợi-phất chép: Một bài kệ bốn câu như thế nào, xin nguyện nói cho con bài kệ đó!

Luận chép: Đây là phần thứ ba thỉnh cầu.

Kinh: “Ư thị Tôn giả nhi nói kệ ngôn: Nhân duyên sở sanh nghĩa, thị nghĩa diệt phi sanh, diệt chư sanh diệt nghĩa, thị nghĩa sanh phi diệt”. Ngay sau đó Đức Thế Tôn bèn nói bài kệ: Nghĩa do nhân duyên sanh, là nghĩa diệt chẳng phải sanh, diệt hết các nghĩa sanh diệt, là nghĩa sanh chẳng phải diệt.

Luận chép: Đây là phần thứ tư giảng nói. Nghĩa bốn câu này có riêng có chung. Riêng thì trình bày nghĩa về hai môn, chung tức là hiển bày pháp của một tâm. Như vậy tất cả Phật pháp trong một tâm - hai môn, không có gì không thể thâm nhiếp. Nghĩa này như thế nào? Hai câu trước dung hòa Tục thành Chân hiển bày nghĩa bình đẳng. Hai câu sau dung hòa Chân trở thành Tục hiển bày môn sai khác. Nói một cách chung, Chân - Tục không hai mà không giữ lấy một vì không hai chính là một tâm, không giữ lấy một cho nên đưa ra Thể là hai, như vậy gọi là một tâm - hai môn đại ý như vậy. Kế là giải thích về văn đó. “Nghĩa do nhân duyên sanh,” là đưa ra tất cả các pháp Thế đế. “Là nghĩa diệt”: Là dung hòa Tục thành Chân, nghĩa là vì nghĩa sự sanh ấy xưa nay vắng lặng. Nói không phải sanh: Hiển bày nghĩa sanh ra đó là lý do của diệt, vì nghĩa sanh ra đó tức là chẳng phải sanh, cầu tìm

nghĩa sanh ra đó thì không thành tựu được, vì thế cho nên nghĩa sanh ra tức là vắng lặng. Diệt các nghĩa sanh diệt: Là nêu lên pháp vắng lặng của Chân đế. Là nghĩa sanh: Là dung hòa Chân trở thành Tục, nghĩa là vì pháp vắng lặng từ duyên mà sanh khởi. Nói không phải diệt: Hiển bày vắng lặng đó là lý do của sanh khởi, vì vắng lặng đó không phải vắng lặng, cầu tìm nghĩa vắng lặng không thể nào đạt được, vì thế cho nên vắng lặng từ duyên sanh ra. Vắng lặng là sanh ấy là sanh của Bất sanh vậy. Sanh nghĩa là diệt ấy là diệt của Bất diệt. Diệt của Bất diệt cho nên diệt tức là sanh. Sanh của Bất sanh cho nên sanh chính là vắng lặng. Hợp lại mà chép: Sanh chính là vắng lặng mà không giữ lấy diệt, diệt tức là sanh mà không trụ vào sanh, sanh diệt không hai là động tịch không khác, như vậy gọi là pháp của một tâm. Tuy thật sự không hai nhưng không giữ lấy một, đưa ra thể tùy duyên sanh động, đưa ra Thể tùy duyên vắng lặng. Căn cứ vào đạo lý này sanh là vắng lặng - vắng lặng là sanh. Không ngăn cách không trở ngại - không đồng nhất, không khác nhau, đây gọi là nghĩa tổng biệt của một bài kệ.

Kinh: “Nhĩ thời đại chúng văn nói thị kệ thêm đại vui mừng, giai đắc diệt sanh, diệt sanh Bất-nhã tánh không trí hải”. Lúc bấy giờ đại chúng nghe nói kệ này đều rất vui mừng, đều đạt được diệt sanh, diệt sanh Bất-nhã, biển trí tánh Không.

Luận chép: Đây là phần thứ năm nghe giảng nói được lợi ích, tức là hiển bày đạt được hiểu rõ đạo lý tổng - biệt. Gọi là Diệt ấy vì được diệt đi nghĩa sanh ở hai câu trên; kế đến nói là sanh ấy vì được sanh ra nghĩa diệt ở hai câu dưới, là nói về hai nghĩa đạt được. Diệt sanh Bất-nhã: Là hiển bày hai câu hiểu biết đạt được, là dựa vào Biệt môn mà được lợi ích. Tánh Không trí hải: Là tổng hợp lại mà quán, hoặc là diệt - hoặc là sanh không giữ lấy tự tánh, trí không của tự tánh sâu rộng vô biên, như vậy gọi là Biển Trí tánh không, là dựa vào môn chung mà được lợi ích.
